

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 7 – 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Dài.
- Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau)

- Bị đơn: Anh Phạm Tuấn K 1994.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp)

(Chị Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm T1 K1 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, biên bản phiên họp, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và Anh Phạm T1 K1 kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2022 tại UBND xã T (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết.

Trong thời gian chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã, anh K không tôn trọng chị T1 trách nhiệm lo gia đình và con cái, mọi việc trong gia đình do chị T2 hết. Ngoài ra, anh K2 nhọc, cờ bạc. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 08/2023 đến nay, thời gian sống xa nhau không có hàn gắn tình cảm.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên Chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Phạm T1 K1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc Đ 02/9/2020 và Phạm Thiên P 26/12/2022. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị T

Chị Nguyễn Ngọc T2 được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Phạm Ngọc Đ 02/9/2020 và Phạm Thiên P 26/12/2022 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm T1 K1 không có ý kiến trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Ngọc T vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Ngọc T là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm T1 K1 là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Phạm T1 K1 do quen biết tìm hiểu và tổ chức đám cưới năm 2019. Sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2022 tại UBND xã T (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) Việc kết hôn giữa chị

Nguyễn Ngọc T và anh Phạm T1 K1 là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc T xác định: Trong thời gian chị Nguyễn Ngọc T và anh Phạm T1 K1 chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 08/2023 cho đến nay. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Phạm Tuấn K2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T đối với anh Phạm T1 K1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc Đ 02/9/2020 và Phạm Thiên P 26/12/2022. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị T

Chị Nguyễn Ngọc T2 được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Phạm Ngọc Đ 02/9/2020 và Phạm Thiên P 26/12/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho các cháu và tránh việc thay đổi môi trường sống của các cháu. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến khi thành niên.

Chị Nguyễn Ngọc T3 nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Phạm T1 K1 không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm T1 K1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Ngọc T4 cầu và anh K3 có văn bản tự nguyện cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc T xác định chị và anh Phạm T1 K1 về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Phạm Tuấn K2, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T5

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Phạm T1 K1.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Đ 02/9/2020 và Phạm Thiên P 26/12/2022 cho chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Phạm T1 K3 phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai cản trở.

Chị T7 các thành viên gia đình không cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006935 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp). Chị Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm T1 K1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 11-Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau); (**ĐKKH số 39 ngày 04/5/2022**)
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh